TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày: 04 - 01- 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi và Ông Trần Kim Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 119/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: Họ và tên **Mã Văn T** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1989 tại Cao Bằng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xóm B, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Mã Văn S, sinh năm 1957 và bà Nông Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có 04 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1982,bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình, bị cáo có vợ là Lục Thị X, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ.

2. Bị cáo thứ hai: Họ và tên **Lưu Lý H** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1980 tại Cao Bằng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay khu phố 3, phường T, thành Phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lưu Minh T (đã chết) và bà Lý Thị D, sinh năm 1951; bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình, bị cáo có vợ là Lương Thị M, sinh năm 1979 và có 02 người con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ từ ngày 12/7/2022 cho đến nay.

3. Bị cáo thứ ba: Họ và tên **Lê Việt H** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1986 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 16, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ôngLê Đức C, sinh năm 1950 và bà Bùi Thị K, sinh năm 1952; bị cáo có 03 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1978, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không có.

Tiền sự 01: Ngày 24/6/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 201/QĐ-XPHC với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Về nhân thân: Ngày 22/9/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 660/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/3/2010, chấp hành xong án phí ngày 27/4/2005

Ngày 26/10/2011, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2011/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2014, chấp hành xong án phí sơ thẩm ngày 22/12/2011

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ.

4. Bị cáo thứ tư:Họ và tên: **Lương Văn Q** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982 tại Cao Bằng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay ấp 02, T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nông Văn H (đã chết) và bà Lương Thị N (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo có 04 anh em ruột, bị cáo là con út trong gia đình, bị cáo có vợ là Nông Thị H, sinh năm 1986 và có 01 người con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố Đ từ ngày 12/7/2022 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

Bà Trần Hồng Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú ấp 7, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có mặt"

Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chổ ở hiện nay khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có đơn xin xét xử vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Bỉnh K (tên gọi khác: Không), sinh năm 1979; cư trú tại địa chỉ ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có đơn xin xét xử vắng mặt".

Bà Nông Thị H, sinh năm 1986; nơi cư trú ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có mặt".

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978; cư trú tại địa chỉ ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1973; cư trú tại địa chỉ ấp 7, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 07/4/2022 đến ngày 28/6/2022, Mã Văn T đã cùng với các đồng phạm thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, Lương Văn Q đang thuê trọ tại nhà trọ Nguyễn Hữu Q, thuộc ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đến chơi với Lưu Lý H, đang thuê trọ ở phòng số 01, nhà trọ N, thuộc khu phố 3, phường T, thành Phố Đ, tỉnh Bình Phước, lúc này còn có Mã Văn T, thuê trọ phòng số 4 cùng nhà trọ với H. Trong lúc ngồi chơi nói chuyện với nhau thì H có nói cho Q, T biết bãi đất trống kế bên phòng trọ có 01 cái gầu sắt để múc gốc cây không ai trông coi nên H bàn với Q và T mang gầu đi bán lấy tiền tiêu xài thì Q và T đồng ý. Sau đó, Q gọi điện cho người mua là anh Nguyễn Bỉnh K, sinh năm 1979, nơi cư trú ấp 4, xã Tiến Hưng, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước là chủ vựa thu mua ve chai, sau khi Q nói có chiếc gầu sắt muốn bán thì anh K đồng ý mua. Khoảng 30 phút sau, anh K điều khiển xe ba gác biển số 61L6-8857 đến phòng trọ N. Tại đây, cả 4 người cùng đi đến bãi đất trống nơi để gầu sắt (cách phòng trọ khoảng 10m) và cùng nhau khiêng gầu lên xe ba gác. Sau đó, Lương Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ - đen, biển số 81S1-190.86 chở Mã Văn T đi theo xe ba gác của anh K về vựa ve chai ở xã T để lấy tiền bán gầu, còn H thì ở lại phòng trọ. Anh K đồng ý mua chiếc gầu sắt với giá là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) nhưng không đủ tiền nên đưa trước cho Q 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) còn lại hẹn lúc khác Q đến lấy. Q chở T về lại phòng trọ và đưa T 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) nói là phần của T và H. Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 9/04/2022, Q đến nhà anh K lấy 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) phần của mình. Khoảng 10 giờ sáng ngày 08/4/2022, ông Trịnh Văn T, sinh năm1970; cư trú tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước là chủ nhà trọ N phát hiện mất 01 chiếc gầu sắt loại dùng để cạp gốc cây đã qua sử dụng, nên đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Ngày 09/4/2022, Lưu Lý H, Lương Văn Q, Mã Văn T đã đến Công an phường T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội**.**

Tại Kết luận định giá số 33/KLĐG ngày 18/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận:01 gầu múc bằng sắt có trọng lượng 420kg, đã qua sử dụng có giá trị là 4.620.000 đồng.

Lần thứ hai:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 28/6/2022, Mã Văn T rủ Lê Việt H đến công trình xây dựng của chị Trần Hồng Đ, tại ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để lấy tiền công trước đó làm. Khi đi T điều khiển xe môtô biển số 93N1 – 9509 chở H đến công trình xây dựng. Khi đến nơi, T và H gặp chị Đ đang ở công trình cùng với anh Đỗ Văn D (chồng chị Đ) và anh Nguyễn Văn N. Khi gặp chị Đ, T hỏi về tiền công làm cho chị Đ trước đó nhưng chị Đ trả lời chưa có và hẹn hôm khác. Lúc này, T nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5, màu tím của chị Đ đang để trên bàn nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. T nói nhỏ với Hlấy điện thoại này bán lấy tiền tiêu xài thì H không trả lời và đi đến gần điện thoại, H dùng tay lấy trộm điện thoại, sau đó nhanh chóng nhét điện thoại lấy trộm được vào lưng quần. Khi H vừa lấy điện thoại thì bị chị Đ và anh N phát hiện truy hô. H cùng T lên xe môtô bỏ đi. Lúc này, chị Đ, anh D, anh N đuổi theo H, T. Khi H và T đi đến đoạn đường Quốc lộ 14, thuộc khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì chị Đ cùng với anh D, anh N bắt giữ được T và H. Khi đang giữ T và H thì H cầm điện thoại vứt vào bụi cỏ lau bên đường. Sau đó, chị Đ, anh D, anh Ng giao T, H cho Công an xã T, thành phố Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang (không thu hồi được tài sản bị lấy trộm).

Tại bản kết luận định giá số 57/KLĐG ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Realme 5, 64 GB, màu tím, mua mới vào tháng 4/2022, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, không thu hồi được tài sản, trị giá 2.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 128/CT-VKS ngày 30tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Mã Văn T, Lưu Lý H, Lương Văn Q và Lê Việt H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng đã đề cập và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Mã Văn T, Lưu Lý H, Lương Văn Q và Lê Việt H phạm tội *"Trộm cắp tài sản";*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Mã Văn T mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểmi, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Lưu Lý H mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểmi, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Lương Văn Q mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Lê Việt H mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có việc làm ổn định và đang bị tạm giam nên đề nghị HĐXX không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Việt H có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại bà Trần Hồng Đ số tiền 1.500.000 đồng.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Lương Văn Q 01 xe mô tô hiệu Honda màu đỏ đen, biển số 81S1-19086 và số tiền 690.000 đồng; tiếp tục giao Công an thành phố Đ xác minh xử lý đối với xe mô tô biển số 93N1-9509.

Quá trình điều tra và tại pH tòa, các bị cáo Mã Văn T, Lưu Lý H, Lương Văn Q và Lê Việt H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước truy tố là đúng hành vi phạm tội của các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại pH tòa, bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đủ cơ sở xác định: Do không có tiền tiêu xài nên vào ngày 07/4/2022, Lưu Lý H bàn với Lương Văn Q, Mã Văn T lấy trộm gầu sắt để ở bãi đất trống kế bên phòng trọ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và được Q, T đồng ý, Q là người gọi điện tìm người để bán gầu sắt. Sau khi bán được gầu sắt cho anh Nguyễn Bình K với giá 2.100.000 đồng *(hai triệu một trăm nghìn đồng)*, Q, T và H chia nhau mỗi người được 700.000 đồng *(bảy trăm nghìn đồng)*.H, T đã tiêu xài cá nhân hết, Q chỉ mới sử dụng hết 10.000 đồng, số còn lại đã giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Trong vụ án, bị cáo Lưu Lý H là người khởi xướng, bị cáo Q, T là đồng phạm với vai trò là người cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra, ngày 28/6/2022 Mã Văn T còn cùng với Lê Việt H có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Hồng Đ 01 điện thoại di động hiệu Realme 5, 64 GB, màu tím, trị giá 2.500.000 đồng tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Trong vụ án này, Mã Văn T là người khởi xướng, Lê Việt H giúp sức với vai trò người thực hành.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đã trưởng thành có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi

mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở địa phương, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mã Văn T phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân:

Bị cáo Lê Việt H có 01 tiền sự: Ngày 24/6/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 201/QĐ-XPHC với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Ngày 22/9/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Mã Văn T, Lưu Lý H, Lương Văn Q và Lê Việt H trong quá trình điều tra, truy tố và tại pH tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cảinên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lưu Lý H và Lương Văn Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Bỉnh K, tại phiên tòa người bị hại bà Trần Thị Hồng Đ xin giảm nhẹ cho bị cáo T và bị cáo H đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn bị cáo Lưu Lý H, Mã Văn T là người khởi xướng, Lương Văn Q, Lê Việt H là người thực hành; Mã Văn T sau khi ra đầu thú, trong thời gian điều tra vụ án trước thì ngày 28/6/2022 lại tiếp tục cùng bị cáo H phạm tội trộm cắp tài sản của chị Đ; Bị cáo H ngày 24/6/2022 bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản thì ngày 28/6/2022 tiếp tục cùng Mã Văn T trộm cắp tài sản thể hiện sự coi thường pháp luật cần xử phạt mức án nặng hơn bị cáo H, Q.

[6] Đối với anh Nguyễn Bỉnh K khi mua chiếc gầu sắt không biết được tài sản trên là do các bị cáo phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với xe môtô biển số 93N1 – 9509, qua xác minh xác định chủ sở hữu là chị Hồ Thị Linh P, cư trú tại thôn 01, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hiện Công an thành phố Đ chưa làm việc được với chị Hồ Thị Linh P nên chưa có cơ sở xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ cần tiếp tục xác minh để có căn xử xử lý theo quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại bà Trần Hồng Đ yêu cầu bị cáo Lê Việt H bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho người bị hại; Bị cáo Lê Việt H đồng ý bồi thường số tiền trên nên cần ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda màu đỏ đen, biển số 81S1-19086 của bị cáo Lương Văn Q, do đây là phương tiện đi lại, không phải công cụ, phương tiện được bị cáo dùng trực tiếp vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

Đối với số tiền 690.000 đồngbị cáo Q giao nộp lại cho Cơ quan Công an, do bà H là vợ bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bỉnh K nên cần tuyên trả lại bị cáo số tiền trên.

Đối với xe mô tô biển số 93N1-9509 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên cầngiao Công an thành phố Đ xác minh xử lý theo quy định.

[9] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo Mã Văn T, Lưu Lý H, Lương Văn Q và Lê Việt H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Mã Văn T, Lưu Lý H, Lương Văn Q và Lê Việt H phạm tội "*Trộm cắp tài sản".*

[2] Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Mã Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 29/6/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Việt H 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 29/6/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lưu Lý H 12(mười hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 12/7/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lương Văn Q 09(chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 12/7/2022.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Việt H phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho bà Trần Hồng Đ.

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015".

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

[4] Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Lương Văn Q 01 xe mô tô hiệu Honda màu đỏ đen, biển số 81S1-19086 xe đã cũ, không có chìa khóa, không chạy được, không kiểm tra được số khung, số máy và số tiền 690.000 đồng;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002038, quyển số 0041, ký hiệu D47/2017 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ và Biên lai nộp tiền tại kho bạc lập ngày 19/7/2022).

Công an thành phố Đ tiếp tục xác minh xử lý đối với xe mô tô biển số 93N1-9509.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Mã Văn T, Lưu Lý H, Lương Văn Q và Lê Việt H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Việt H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thành phố Đ;*
- *CCTHADS thành phố Đ;*
- *CA thành phố Đ (03 bản);*
- *TT LLTP - Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;*
- *Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Phước;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Hùng